

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,245 – 1,250 cả ngày hôm nay trước khi lực bán gia tăng vào cuối phiên và đẩy chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,242.53 điểm, giảm gần 4 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bảo hiểm, Ô tô và phụ tùng giảm mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông tiếp tục dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Rủi ro ngắn hạn đang có dấu hiệu gia tăng, VN-Index có thể sẽ giảm trở lại vùng 1,220 – 1,225 nếu dòng tiền không ủng hộ thị trường.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2503.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 22/01/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-3.56** điểm, đóng cửa tại **1242.53** điểm. HNX-Index **-1.01** điểm, đóng cửa tại **220.67** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **LPB (+1.17)**, **HVN (+0.35)**, **FRT (+0.29)**, **BSR (+0.23)**, **SSB (+0.21)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HDB (-0.53)**, **BID (-0.49)**, **VHM (-0.49)**, **GVR (-0.38)**, **BCM (-0.32)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,304** tỷ đồng, tăng **9.40%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,012 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 6.61 điểm. Thị trường có **127** mã tăng, **75** mã tham chiếu, **311** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-249.36** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **GMD (-47.82 tỷ)**, **FRT (-46.54 tỷ)**, **FPT (-43.11 tỷ)**, **VPB (-37.02 tỷ)**, **VHM (-28.87 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **14.27** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.30%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVS (+0.91%)**, **MWG (+0.35%)**, **MSN (+0.31%)**.
- BSC50 **-0.27%**. Các mã diễn biến tích cực: **SHS (+3.33%)**, **FRT (+2.39%)**, **BSI (+1.81%)**.

Hiệu suất các chỉ số (Cập nhật đến ngày 21/01)

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.30%	-0.27%	-0.28%	-0.16%
1 tuần	-4.79%	-4.13%	-2.87%	-3.83%
1 tháng	-0.77%	2.73%	0.82%	0.01%
3 tháng	2.50%	-0.21%	1.26%	2.06%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,242.53	220.67	93.08
% 1D	-0.29%	-0.46%	0.26%
GTGD (tỷ VND)	9,304	610	629
%1D	9.40%	-12.11%	-21.69%
GDNN (tỷ VND)	-249.36	14.27	-22.81

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
LPB	85.18	GMD	-47.82
HDB	29.99	FRT	-46.54
CTR	26.35	FPT	-43.11
VNM	20.77	VPB	-37.02
HCM	14.83	VHM	-28.87

Thị trường thế giới

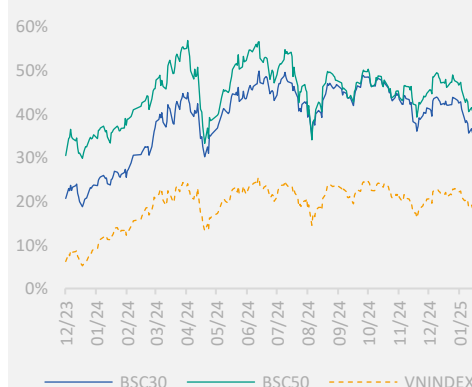
		%D	%W
SPX	6,049	0.88%	3.65%
FTSE100	8,571	0.26%	3.25%
Eurostoxx	5,192	0.57%	2.94%
Shanghai	3,215	-0.85%	-0.37%
Nikkei	39,616	1.58%	2.97%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	73.31	-8.17%
Giá vàng	2,757	0.86%
Tỷ giá		
USD/VND	25,450	-0.20%
EUR/VND	26,926	0.36%
JPY/VND	166	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.01%
LS LNH 1M	5.0%	

Nguồn: BSC tổng hợp

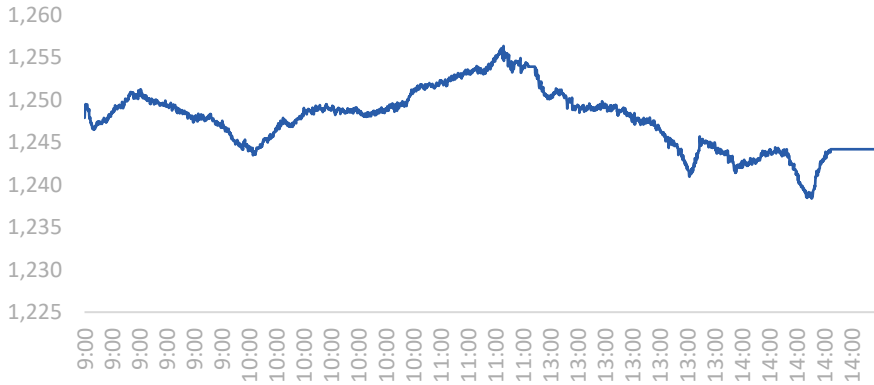
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1330.80	0.02%	38	-52%	9/18/2025	239
VN30F2502	1320.50	-0.17%	186,092	2%	2/20/2025	29
VN30F2503	1328.00	0.05%	236	-15%	3/20/2025	57
VN30F2506	1330.10	-0.18%	28	-73%	6/19/2025	148

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -5.09 điểm, đóng cửa tại 1309.72 điểm. Biên độ dao động 8.53 điểm. Các cổ phiếu như HDB, VHM, HPG, ACB, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản nằm dưới đường MA20. Thanh khoản chưa có dấu hiệu cải thiện. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2503. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2502. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2502	9/26/2025	247	500	-70.67%	3.55	2,370	8.7%	10.97	10.66	36.35	36.35
CSTB2404	3/6/2025	43	205,300	-75.30%	3.10	1,470	4.3%	8.32	8.98	36.35	36.35
CSTB2402	5/21/2025	119	1,088,900	-71.28%	3.00	2,480	3.8%	11.13	10.44	36.35	36.35
CSTB2501	6/26/2025	155	100	-73.04%	3.35	2,150	3.4%	11.02	9.80	36.35	36.35
CTCB2403	11/4/2025	286	92,700	-72.73%	2.60	800	2.6%	4.34	6.60	24.20	24.20
CFPT2403	4/28/2025	96	2,400	-74.83%	13.41	6,110	1.8%	34.35	37.68	149.70	149.70
CFPT2403	4/28/2025	96	2,400	-74.83%	13.41	6,110	1.8%	34.35	37.68	149.70	149.70
CHPG2505	3/26/2026	428	12,000	-71.01%	3.00	2,290	0.0%	11.66	7.58	26.15	26.15
CMBB2504	3/26/2026	428	13,100	-70.99%	2.35	2,290	0.0%	11.27	6.33	21.80	21.80
CVIB2408	5/14/2025	112	100	-70.58%	1.95	980	0.0%	4.51	5.87	19.95	19.95
CFPT2402	7/28/2025	187	17,100	-70.75%	13.41	7,650	0.0%	34.39	43.79	149.70	149.70
CSTB2411	5/14/2025	112	100	-71.94%	3.40	1,700	0.0%	8.25	10.20	36.35	36.35
CMWG2504	3/26/2026	428	913,200	-71.17%	6.60	1,990	0.0%	10.23	16.55	57.40	57.40
CMWG2504	3/26/2026	428	913,200	-71.17%	6.60	1,990	0.0%	10.23	16.55	57.40	57.40
CVPB2502	3/26/2026	428	20,300	-72.53%	2.10	1,470	0.0%	8.18	5.04	18.35	18.35
CVHM2408	11/4/2025	286	118,700	-71.44%	3.80	1,870	-0.5%	8.96	11.28	39.50	39.50
CTCB2404	8/14/2025	204	2,700	-69.21%	2.50	990	-1.0%	4.35	7.45	24.20	24.20
CFPT2404	11/4/2025	286	15,400	-56.15%	12.02	3,600	-1.4%	9.27	65.64	149.70	149.70
CVRE2407	11/4/2025	286	54,900	-73.62%	1.60	1,350	-4.9%	7.38	4.30	16.30	16.30
CFPT2405	8/14/2025	204	21,100	-67.83%	13.41	3,500	-5.1%	13.76	48.16	149.70	149.70

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 22/01/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2502 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 8.72%. CSTB2402 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.44%.
- CFPT2404, CFPT2405, CTCB2404, CVIB2408, CSTB2502 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CSTB2503, CSTB2504, CMSN2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
STB	36.35	0.83%	0.57
SSB	18.75	1.63%	0.57
SAB	53.70	0.19%	0.01
TCB	24.20	0.00%	0.00
CTG	37.30	0.00%	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HDB	22.00	-2.87%	-1.38
VHM	39.50	-1.25%	-0.76
HPG	26.15	-0.57%	-0.53
ACB	24.85	-0.40%	-0.40
MWG	57.40	-0.52%	-0.35

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LPB	33.40	4.87%	1.17	2.99
HVN	27.00	2.47%	0.35	2.21
FRT	201.00	4.42%	0.29	0.14
BSR	20.55	1.48%	0.23	3.10
SSB	18.75	1.63%	0.21	2.84

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

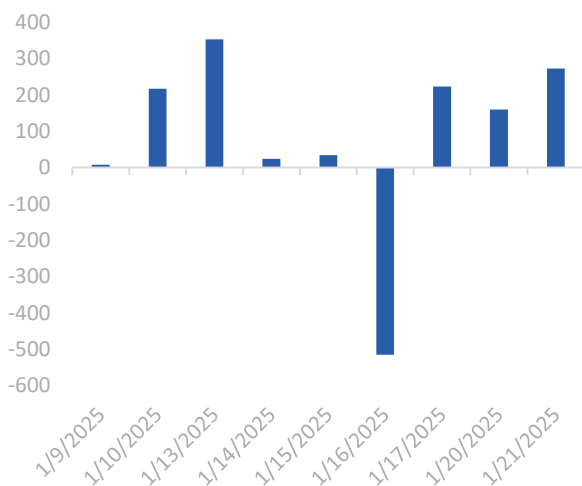
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	62.80	1.29%	0.12	0.23
NET	83.00	4.93%	0.06	0.02
PVS	33.20	0.30%	0.03	0.48
PTI	22.50	2.27%	0.03	0.08
THD	35.90	0.28%	0.02	0.38

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh


Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HDB	22.00	-2.87%	-0.53	3.50
BID	39.50	-0.75%	-0.49	6.90
VHM	39.50	-1.25%	-0.49	4.11
GVR	28.00	-1.41%	-0.38	4.00
BCM	67.40	-1.89%	-0.32	1.04

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

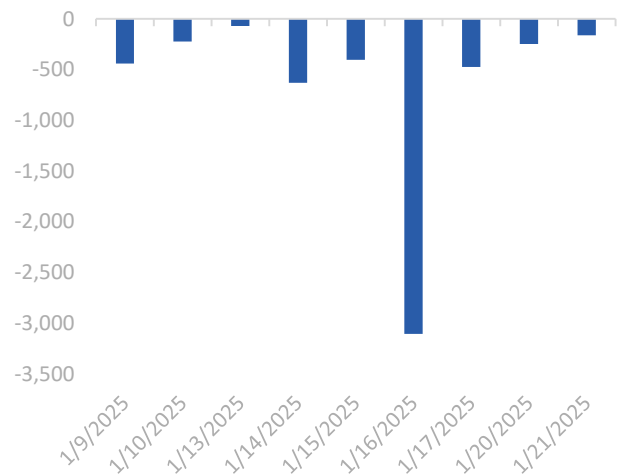
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	160.00	-5.04%	-1.03	0.20
IDC	54.10	-1.10%	-0.13	0.33
CDN	36.30	-4.97%	-0.11	0.10
NTP	59.20	-1.82%	-0.10	0.14
VCS	59.00	-1.50%	-0.09	0.16

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	91.4	-0.30%	0.6	20,191	4.6	6,194	14.8	-	22.9%	Link
BID	Ngân hàng	39.8	-0.30%	1.3	10,851	3.4	4,106	9.7	-	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	0.00%	1.0	5,770	8.1	1,663	11.1	-	25.1%	Link
TCB	Ngân hàng	24.2	-0.80%	1.4	6,758	7.8	3,207	7.5	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	21.8	0.00%	1.1	5,270	5.8	4,021	5.4	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	36.0	0.30%	1.4	2,686	7.7	4,640	7.8	-	23.3%	Link
CTG	Ngân hàng	37.3	0.00%	1.6	7,917	8.1	4,035	9.2	-	27.0%	Link
ACB	Ngân hàng	25.0	-0.20%	0.9	4,405	4.3	3,638	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	24.4	-0.20%	1.6	1,896	7.8	1,490	16.4	-	39.7%	Link
IDC	Xây dựng	54.7	0.00%	1.1	714	1.2	6,634	8.2	65,700	22.5%	Link
HPG	Xây dựng	26.3	-0.60%	1.1	6,649	10.8	1,905	13.8	41,500	21.6%	Link
HSG	VLXD	17.4	-1.10%	1.6	426	1.4	836	20.8	25,300	9.6%	Link
VHM	BĐS	40.0	0.00%	0.6	6,494	7.1	4,700	8.5	108,300	11.7%	Link
KDH	BĐS	34.4	-0.40%	1.1	1,375	0.8	522	65.9	44,500	37.2%	Link
NLG	BĐS	32.8	-0.20%	1.3	500	0.7	793	41.4	-	43.3%	Link
DGC	Hóa chất	109.0	-0.80%	1.4	1,636	4.2	7,791	14.0	115,000	18.0%	Link
DCM	Phân bón	33.4	-0.30%	1.0	700	1.2	2,917	11.5	38,700	5.8%	Link
GAS	Dầu khí	67.1	-0.90%	0.4	6,213	0.9	4,728	14.2	-	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	33.1	0.90%	1.2	625	2.3	1,919	17.2	57,000	19.3%	Link
PVD	Dầu khí	23.5	0.20%	1.5	516	3.9	1,211	19.4	38,400	9.5%	Link
POW	Dầu khí	11.4	-1.70%	0.7	1,055	2.4	597	19.1	17,100	3.7%	Link
VHC	Thủy sản	70.2	0.10%	1.3	623	3.8	3,814	18.4	108,500	27.5%	Link
GMD	Logistics	62.0	-0.30%	0.8	1,014	1.8	4,315	14.4	90,400	45.6%	Link
VNM	Bán lẻ	61.8	-0.20%	0.4	5,105	3.4	4,591	13.5	93,100	51.3%	Link
MSN	Bán lẻ	65.7	0.30%	0.9	3,929	5.9	898	73.2	110,000	26.3%	Link
MWG	Bán lẻ	57.7	0.30%	1.1	3,333	7.8	2,028	28.4	-	45.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.6	-0.50%	1.2	1,277	0.5	5,960	16.0	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	37.6	-1.80%	1.8	326	1.4	1,809	20.8	66,600	19.6%	Link
FPT	Bán lẻ	149.9	-0.10%	1.2	8,716	14.7	5,129	29.2	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	128.4	-0.40%	1.5	580	4.8	4,640	27.7	-	9.6%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	22.6	-1.50%	1.2	3,129	11.6	4,461	5.1	1.3	17.2%	29.1%
VIB	Ngân hàng	20.1	0.00%	1.1	2,367	4.1	2,412	8.3	1.5	5.0%	18.9%
TPB	Ngân hàng	16.2	-1.20%	1.4	1,692	3.5	1,840	8.8	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.0	-0.50%	1.1	1,125	1.2	1,687	6.5	0.8	27.5%	13.3%
EIB	Ngân hàng	18.2	-1.40%	0.8	1,336	3.6	1,447	12.5	1.4	2.3%	11.8%
HCM	Chứng khoán	28.7	1.10%	1.9	817	6.5	1,409	20.4	2.0	44.2%	10.9%
VCI	Chứng khoán	32.8	1.60%	1.6	930	6.9	1,419	23.1	2.2	25.1%	10.2%
VND	Chứng khoán	12.0	0.00%	1.6	719	3.5	1,503	8.0	0.9	11.5%	13.0%
BSI	Chứng khoán	45.0	1.80%	2.0	397	0.4	1,732	26.0	2.0	40.9%	8.1%
SHS	Chứng khoán	12.4	3.30%	1.8	398	7.4	1,178	10.5	0.9	2.4%	9.1%
CTD	Xây dựng	73.2	0.00%	1.4	289	2.0	3,361	21.8	0.8	49.0%	3.9%
HHV	Xây dựng	12.4	0.00%	1.5	212	5.1	835	14.9	0.6	9.0%	4.5%
LCG	Xây dựng	10.4	0.50%	1.5	80	0.5	825	12.7	0.8	2.1%	6.2%
SZC	BĐS KCN	41.9	-0.90%	1.0	298	1.7	1,572	26.7	2.5	2.2%	12.0%
SIP	BĐS KCN	80.5	-1.50%	1.3	670	0.6	5,635	14.3	4.0	4.6%	29.7%
PHR	BĐS KCN	51.3	-0.40%	0.9	275	0.1	2,858	17.9	1.8	18.0%	10.5%
DIG	BĐS	18.6	0.80%	1.6	447	3.9	135	137.7	1.5	4.3%	1.0%
CEO	BĐS	12.4	0.80%	2.0	265	1.2	316	39.3	1.1	4.1%	2.1%
KBC	BĐS KCN	29.4	-0.70%	1.3	890	5.1	549	53.4	1.2	19.2%	2.6%
VGC	BĐS KCN	48.8	0.60%	1.2	865	1.5	1,312	37.2	2.6	4.8%	5.9%
GVR	BĐS KCN	28.4	-1.00%	1.7	4,490	1.2	851	33.4	2.2	0.3%	7.3%
NKG	VLXD	13.5	-1.50%	1.6	239	1.7	1,736	7.8	0.6	7.8%	8.1%
BMP	VLXD	125.9	0.70%	1.2	407	0.6	12,420	10.1	3.5	84.2%	34.4%
IJC	BĐS	13.5	-0.70%	1.2	202	0.2	729	18.5	1.0	4.6%	6.3%
DXG	BĐS	14.9	0.00%	1.4	513	2.4	197	75.6	1.0	19.0%	1.7%
VRE	BĐS	16.6	0.00%	1.1	1,491	2.3	1,795	9.2	0.9	18.6%	10.5%
PDR	BĐS	18.4	-2.10%	1.8	635	3.0	500	36.8	1.5	7.6%	7.6%
DIG	BĐS	18.6	0.80%	1.6	447	3.9	135	137.7	1.5	4.3%	1.0%
HUT	Xây dựng	15.8	0.00%	0.7	557	0.4	75	210.2	1.6	1.4%	1.3%
C4G	Xây dựng	8.1	-1.20%	1.0	-	0.1	573	14.1	0.7	0.0%	5.3%
CSV	Hóa chất	42.0	-1.20%	1.6	183	2.6	2,122	19.8	3.2	3.3%	17.4%
DHC	Hóa chất	36.2	-1.00%	1.1	115	0.1	3,330	10.9	1.5	40.5%	14.1%
DRC	Cao su	27.8	0.00%	0.9	130	0.2	2,259	12.3	1.7	8.8%	14.4%
PC1	Tiện ích	22.8	0.40%	1.2	322	1.3	1,511	15.1	1.3	13.0%	9.7%
HDG	Tiện ích	27.2	-1.30%	1.5	361	2.0	2,116	12.8	1.5	19.9%	12.6%
GEX	Tiện ích	19.0	0.00%	1.5	644	3.2	1,207	15.7	1.2	5.8%	7.1%
QTP	Tiện ích	13.7	-0.70%	0.5	-	0.1	1,500	9.1	1.2	0.9%	12.5%
PLX	Dầu khí	39.8	0.00%	0.7	2,001	1.4	2,350	17.0	2.0	17.4%	11.6%
BSR	Dầu khí	20.2	-3.80%	1.1	2,482	5.9	966	21.0	1.1	0.6%	5.3%
PLC	Dầu khí	25.0	0.80%	1.3	80	0.5	611	40.9	1.6	0.3%	3.9%
ANV	Thủy sản	18.5	-1.60%	1.3	195	0.5	315	58.7	0.9	1.2%	1.4%
PTB	VLXD	62.3	-0.30%	1.2	165	0.2	4,944	12.6	1.5	23.3%	11.8%
VSC	Logistics	16.7	-0.60%	1.1	189	1.7	737	22.6	1.1	2.6%	8.0%
VTP	Logistics	165.3	1.80%	1.3	796	3.2	2,929	56.4	13.5	7.2%	23.9%
DBC	Bán lẻ	26.2	-1.70%	1.7	346	4.1	1,604	16.3	1.3	8.4%	9.6%
FRT	Bán lẻ	192.5	2.40%	0.9	1,037	5.4	775	248.5	14.5	37.0%	9.0%
QNS	Bán lẻ	50.4	0.60%	0.5	-	0.4	6,553	7.7	2.0	12.0%	27.8%
TNG	Dệt may	23.3	-0.40%	1.2	113	0.7	2,427	9.6	1.5	16.1%	16.3%
PVT	Logistics	26.2	-1.10%	1.1	369	1.8	3,130	8.4	1.2	12.5%	15.6%
DPM	Phân bón	34.0	-0.90%	1.1	526	1.0	1,700	20.0	1.2	8.6%	5.9%
REE	Tiện ích	66.0	-1.30%	1.0	1,229	0.7	3,860	17.1	1.7	49.0%	10.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
15	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
20	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyễn Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Đỗ Thu Phương

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Định lượng
Phuongdt@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupa@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>